TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:09 /2020/DSST
Ngày 17/7/2020
V/v tranh chấp nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kiều Song Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Chiếu và ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: ông Tạ Văn Cung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PhướcLong xét xử sơ thẩm công khaivụ án dân sự thụ lý số 250/2019/TLST - DS, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Tranh chấp nợ hụi"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST – DS, ngày 30 tháng 6 năm 2020giữa các đương sự:

1/.Nguyên đơn: bà **Lâm Thị Ngọc D**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp PT 1, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu;

2/. **Bị đơn**: bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1981 và ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp PHT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu;

(Bà D có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay bà Lâm Thị Ngọc D trình bày: Trước đây giữa bà có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Kim B làm chủ cụ thể:

+ Ngày 06/7/2017 (âm lịch) bà tham gia dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, ngày bắt đầu mở hụi là ngày 06/7/2017 (âm lịch), dây hụi có tất cả 30 chưng, trong đó bà tham gia 01 chưng, dây hụi mở đến kỳ thứ 26 thì bà B tuyên bố bể hụi, số tiền vốn đã đóng trong 26 kỳ là 10.230.000 đồng. Số vốn và lãi trong 26 kỳ là 26.000.000 đồng.

+ Ngày 01/3/2018 (âm lịch) bà tham gia dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, ngày bắt đầu mở hụi là ngày 01/3/2018 (âm lịch), dây hụi có tất cả 26 chưng, trong đó bà tham gia 01 chưng, dây hụi mở đến kỳ thứ 17 thì bà B tuyên bố bể hụi, số tiền vốn đã đóng trong 17 kỳ là 17.580.000 đồng. Số tiền vốn và lãi trong 17 kỳ là 34.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi của 02 dây hụi là 60.000.000 đồng.

Việc giao dịch hai bên chỉ thỏa thuận miệng, Nay yêu cầu bà B và ông H cùng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 02/01/2020: Trước đây bà có tổ chức các dây hụi cho các hụi viên tham gia, trong đó có bà Lâm Thị Ngọc D cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, mở hụi vào ngày 06/7/2017 mỗi tháng mở hụi một lần, dây hụi có tất cả 30 chưng, trong đó bà D tham gia 01 chưng, dây hụi mở

đến kỳ thứ 26 thì bà tuyên bố bể hụi, số tiền vốn bà D đã đóng trong 26 kỳ là 10.230.000 đồng.

+ Ngày 01/3/2018 (âm lịch) bà D tiếp tục tham gia dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, ngày bắt đầu mở hụi là ngày 01/3/2018 (âm lịch), dây hụi có tất cả 26 chưng, trong đó bà D tham gia 01 chưng, dây hụi mở đến kỳ thứ 17 thì bà tuyên bố bể hụi, số tiền vốn đã đóng trong 17 kỳ là 17.580.000 đồng. Tổng số tiền vốn của 02 dây hụi là 27.810.000 đồng. Nay đồng ý trả số tiền trên, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bà xác định nguyên nhân là do nhiều hụi viên hốt nhưng không đóng lại hụi chết, từ đó mất cân đối.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất xác định vào ngày 06/7/2017 bà D có tham gia 01 chưng trong dây hụi 1.000.000 đồng và ngày 01/3/2018 tham gia 01 chưng trong dây hụi 2.000.000 đồng. Khi bể hụi dây hụi 1.000.000 đồng bà D đóng được 26 kỳ với số tiền vốn hụi là 10.230.000 đồng; dây

hụi 2.000.000 đồng bà D đóng được 17 kỳ với số tiền vốn là 17.580.000 đồng. Tổng số tiền vốn của 02 dây hụi là 27.810.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

Xét yêu cầu của bà D đòi số tiền vốn và lãi hụi là 60.000.000 đồng thấy rằng theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 29; Nghị định 144 của Chính phủ ngày 27/11/2006 hướng dẫn về giải quyết tranh chấp hụi, chỉ chấp nhận trả số tiền vốn hụi, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D với số tiền 27.810.000 đồng, không chấp nhận số tiền 32.190.000 đồng, tuy nhiên do bà B chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng lãi suất quyết định số 2868 của Ngân hang Nhà nước ngày 29/11/2010 mức lãi suất 9%/năm từ thời điểm chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi phát sinh là 2.265.332 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 30.075.332 đồng.

Buộc bà B có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền hụi còn nợ cho bà D là 30.075.332 đồng. Tuy nhiên xét thấy quá trình bà B tổ chức các dây hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông H cũng biết việc này do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cần buộc ông H có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên cho bà D là phù hợp. Về án phí: bà B và ông H và bà D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Bà Lâm Thị Ngọc D khởi kiện tranh chấp nợ hụi với bà Nguyễn Kim B và ông Phạm Văn H. Bà B và ông H có địa chỉ cư trú tại ấp PHT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long.

[1.2]. Bà Nguyễn Kim B, ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. **Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình chuẩn bị xét xử đã xác định ngày 06/7/2017 bà D tham gia 01 chưng trong dây hụi 1.000.000 đồng, đã đóng được 26 kỳ với số tiền vốn 10.230.000 đồng; Ngày 01/3/2018 bà D tham gia 01 chưng trong dây hụi 2.000.000 đồng đến khi bể hụi bà D đóng được 17 kỳ với số tiền vốn là 17.580.000 đồng. Như vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

Xét yêu cầu đòi số tiên 60.000.000 đồng của bà D thấy rằng tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 29; Nghị định 144 của Chính phủ ngày 27/11/2006 hướng dẫn về giải quyết tranh chấp hụi, chỉ chấp nhận trả số tiền vốn hụi và lãi suất phát sinh được áp dụng theo quy định pháp luật, với căn cứ trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D với số tiền vốn hụi là 27.810.000 đồng, không chấp nhận số tiền 32.190.000 đồng, tuy nhiên do bà B chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng lãi suất quyết định số 2868 của Ngân hàng nhà nước ngày 29/11/2010 mức lãi suất 9%/năm, từ thời điểm chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sở thẩm với số tiền 2.265.332 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 30.075.332 đồng.

Buộc bà B có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền hụi còn nợ cho bà D là 30.075.332 đồng. Tuy nhiên xét thấy quá trình bà B tổ chức các dây hụi phát sinh

trong thời kỳ hôn nhân và ông H cũng biết việc này, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông H có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên cho bà D là phù hợp.

[2.2]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Kim B và ông Phạm Văn H phải nộp đối với yêu cầu của bà D được Tòa án chấp nhận cụ thể: 30.075.332 đồng x 5% = 1.503.766 đồng. Bà D phải nộp án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 32.190.000 đồng x 5% = 1.609.500 đồng, bà D đã tạm nộp án phí số tiền 1.500.000 đồng ngày 06/12/2019 theo biên lai thu số 0004508 được chuyển thu án phí, số tiền án phí bà D phải nộp tiếp là 109.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc D đối với bà Nguyễn Kim B và ông Phạm Văn H.

Buộc bà Nguyễn Kim B và ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị Ngọc D số tiền là 30.075.332 đồng (ba mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Ngọc D với số tiền 32.190.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Kim B và ông Phạm Văn H phải nộp số tiền 1.503.766 đồng. Bà Lâm Thị Ngọc D phải nộp án phí với số 1.609.500 đồng, bà D đã tạm nộp án phí số tiền 1.500.000 đồng ngày 06/12/2019 theo biên lai thu số 0004508 được chuyển thu án phí, số tiền án phí bà D phải nộp tiếp là 109.500 đồng. Các đương sự nộp án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đông Hải;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu*
- *Lưu hồ sơ;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kiều Song Toàn